TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG HÒA** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2025
V/v: Ly hôn, giải quyết con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA - CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Mến;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Chung và ông Lương Văn Phúc.

Thư ký phiên tòa: Bà Lục Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc: Yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1372/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vương Thị L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh C.

Bị đơn: Lương Văn C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện Q, tỉnh C.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt không có lý do (đã triệu tập hợp lệ hai lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn Vương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lương Văn C năm 2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh C vào ngày 07/6/2012.

Quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, đỉnh điểm đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra liên tục, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Lương Văn C.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung tên là Lương Minh Q, sinh ngày 20/8/2012, hiện nay con đang ở với bố và ông nội tại tổ dân phố N, thị trấn H, huyện Q. Khi ly hôn, tôi tự nguyện để anh C trực tiếp chăm sóc và giáo dục con đến tuổi trưởng thành và sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có. Nợ riêng tôi tự vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q và đã trả nợ xong.

Trong quá trình xây dựng hồ sơ, bị đơn Lương Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, nhưng cả hai lần anh C đều vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh với ông Lương Văn T (là bố anh Lương Văn C) được biết: Anh C hiện đi làm công ty tại tỉnh Bắc Giang, các ngày nghỉ lễ, tết vẫn về thăm nhà. Trong thời gian qua ông T có nhận Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Toà án thay con trai và đã gửi thông tin các văn bản tố tụng cho C. Về tình trạng hôn nhân, vợ chồng chị L, anh C mặc dù không có mâu thuẫn gì lớn nhưng chị L đã bỏ nhà chồng ra đi và vợ chồng đã sống ly thân khoảng 4 năm nay, từ đó các ngày lễ, tết không về nhà chồng nữa. Còn xác minh với ông Hoàng Văn T (là tổ trưởng Tổ dân phố N) cho biết, vợ chồng chị L và anh C không có mâu thuẫn gì lớn nhưng mấy năm nay đã sống ly thân không quay lại sinh sống ở nhà chồng. Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2024 Công an thị trấn Hòa Thuận cho biết, công dân Lương Văn C không khai báo tạm vắng tại địa phương, hiện nay không đăng ký tạm trú ở nơi khác.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Quảng Hòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Qua toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy; về tình cảm vợ chồng của chị L và anh C không còn nữa; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Mục

đích hôn nhân không đạt được nay xác nhận tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Do đó, áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Liễu được ly hôn với anh Lương Văn C. Về con chung, xét trên nguyện vọng của cháu Lương Minh Q; giao cháu Q cho anh Lương Văn C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu đến tuổi trưởng thành; chị Vương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về án phí, căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Khi xác minh về hộ khẩu thường trú và tạm trú của Lương Văn C thông qua Công an thị trấn H, huyện Q, tỉnh C cho thấy: Công dân Lương Văn C có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, thị trấn H, huyện Q, tỉnh C; công dân Lương Văn C không khai báo tạm vắng tại địa phương, hiện nay không đăng ký tạm trú ở nơi khác.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh Lương Văn C, còn bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ hai, điều đó thể hiện anh C cố tình lẩn tránh, đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị L; vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vương Thị L và anh Lương Văn C sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh C vào ngày 07/6/2012; do vậy cuộc hôn nhân của chị L và anh C là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo chị Vương Thị L khai, quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, đỉnh điểm đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra liên tục, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay.

Mặt khác, qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh C tại tổ dân phố N, thị trấn H (thông qua Tổ trưởng tổ dân phố) và xác minh qua ông Lương Văn T (là bố anh C) cho thấy: Vợ chồng chị L, anh C đã sống ly thân khoảng 4 năm nay; kết quả xác minh mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của nguyên đơn Vương Thị L.

Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị Vương Thị L và anh Lương Văn C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, không có tình nghĩa vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân Gia đình và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Chị Vương Thị L và anh Lương Văn C có 01 con chung tên là Lương Minh Q, sinh ngày 20/8/2012. Sau khi ly hôn, chị L tự nguyện để anh C trực tiếp chăm sóc và giáo dục cháu Q đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, việc chị L tự nguyện để anh C nuôi con phù hợp với nguyện vọng của cháu Q, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Lương Minh Q cho anh Lương Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Vương Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Xét thấy, sự tự nguyện của chị L phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét quan điểm giải quyết nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Vương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Vương Thị L được ly hôn anh Lương Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Minh Q, sinh ngày 20/8/2012 cho anh Lương Văn C chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Vương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Chị Vương Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; tổng cộng chị L phải nộp án phí số tiền là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Xác nhận, chị Vương Thị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm án phí, lệ phí Tòa án số 0002414 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, Cao Bằng. Nay chị Vương Thị L còn phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Thành;
- Lưu án văn, lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Mến